##### *Toán:* MÉT VUÔNG (Tiết 2)

##### *Tiết 43*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

**-** HS nhận biết độ lớn 1 m2 (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 m); nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mét vuông và đề-xi-mét vuông; giữa mét vuông và xăng-ti-mét vuông; đọc, viết các số đo theo đơn vị mét vuông; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mét vuông, đề-xi-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

- HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, giải bài tập, phân tích và hoàn thành yêu cầu các bài toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia thảo luận nhóm phát biểu trước lớp.

**3. Phẩm chất.**

- Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

- GV: Kẻ trên bảng lớp hoặc dùng một miếng bìa hình vuông cạnh 1 m, chia ô giống hình vẽ trong phần Cùng học (SGK) và hình vẽ bài Luyện tập (nếu cần).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| 3 phút  12 phút  17 phút  3 phút | **1. Khởi động**  - GV cho học sinh chơi trò chơi “Bắn tên”.  Luật chơi: Ai bị tên bắn trúng phải đổi đúng đơn vị người bắn tên đưa ra. Sau khi trả lời đúng, người bị bắn tên sẽ ra câu hỏi khác và bắn học sinh khác tùy thích. Lần lượt chơi (số lượng học sinh tùy ý hoặc đến khi hết lớp)  **2. Luyện tập thực hành**  **Bài tập 1**  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi.  - GV đặt câu hỏi dẫn dắt:  • Yêu cầu của bài:  • Tìm thế nào?  – Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/ nói cách làm).  Ví dụ: a) 6 m2 76 dm2 = … dm2  6 m2 = 600 dm2  600 dm2 + 76 dm2 = 676 dm2  6 m2 76 dm2 = 676 dm2  **3. Vận dụng trải nghiệm**  - GV trình chiếu (hoặc treo) hình vẽ lên cho HS quan sát:  - GV vấn đáp giúp HS xác định kích thước từng phòng và yêu cầu của bài.  + Ông ngoại của Huy xây nhà có mấy phòng?  + Các phòng có hình gì?  + Muốn biết kích thước của mỗi phòng, ta làm thế nào?  - GV tổ chức cho HS sửa bài, khuyến khích HS thao tác trên hình vẽ để giải thích cách làm.  **3. Củng cố và nối tiếp**  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò HS chuẩn bị bài hôm sau: *Em làm được những gì? (Tiết 1)* | - HS tham gia trò chơi.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi và tham gia đúng luật chơi của trò chơi.  - HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết:  - HS trả lời: Điền số vào chỗ chấm.  - HS trả lời: thực hiện chuyển đổi đơn vị đo.    - HS thực hiện cá nhân  - HS đọc đề bài hai (hai HS đọc, cả lớp đọc thầm theo).  + HS trả lời: 6 phòng (1 phòng khách, 1 phòng làm việc, 1 phòng sinh bếp hoạt chung, 2 phòng ngủ và 1 phòng tắm.)  + Hình chữ nhật  + Xem trên bản vẽ, đếm ô vuông cạnh 1m.  Cho biết kích thước của từng phòng, chẳng hạn:  - Phòng khách có chiều dài 6m, chiều rộng 3m.  - HS thảo luận tìm cách làm.  - HS trình bày cách làm.  Ví dụ:  a) Quan sát hình vẽ, ta thấy:  A picture containing text, screenshot, diagram, font  Description automatically generatedPhòng bếp – Sinh hoạt chung có diện tích lớn nhất. Phòng tắm có diện tích bé nhất.  b) Diện tích mỗi phòng ngủ: 12 m2 (4 m × 3 m).  c) Các phòng của ngôi nhà nằm trong khuôn viên: nếu thêm 2 mảnh đất, mỗi mảnh 4 m2  thì vừa vặn một hình vuông cạnh 10 m.  Tổng diện tích các phòng là 92 m2  (10 × 10 – 4 × 2). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………